

Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

V/v sửa đổi, bổ sung một số nội dung của “Chiến lược phát triển
Viện Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn đến năm 2035”

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 535-TTg ngày 03 tháng 11 năm 1993 của Thủ tướng Chính phủ
về việc thành lập Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 960/QĐ-TTg ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ
về việc Ban hành danh sách các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Bộ Giáo dục và
Đào tạo (Trường Đại học Mở Hà Nội đổi tên từ Viện Đại học Mở Hà Nội);

Căn cứ Nghị quyết số 6068/2020/NQ-HĐT-ĐHM ngày 24 tháng 12 năm 2020 của
Hội đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt
động của Trường Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 941/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ
về việc phê duyệt Đề án thí điểm đổi mới cơ chế hoạt động của Viện Đại học Mở Hà Nội;

Căn cứ Nghị quyết số 5887/NQ-ĐHM-HĐT ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Hội
đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội tại kỳ họp thứ 9, Quý IV năm 2021 ngày 23 tháng
12 năm 2021;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của “Chiến lược phát triển Viện Đại học
Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn đến năm 2035” và đổi tên thành “Chiến lược
phát triển Trường Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn đến 2035”.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký đối với các nội dung được sửa đổi, bổ
sung tại “Chiến lược phát triển Trường Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn
đến 2035”. Các nội dung không sửa đổi, bổ sung giữ nguyên hiệu lực theo Quyết định số
356/QĐ-ĐHM ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội về
việc ban hành Chiến lược phát triển Viện Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm
nhìn 2035.

Điều 3. Các Trưởng đơn vị thuộc Trường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu
trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *ml*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



Hà Nội, ngày 28 tháng 12 năm 2021

**CHIẾN LƯỢC
PHÁT TRIỂN TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ HÀ NỘI
GIAI ĐOẠN 2017-2026, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035**

**Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chiến lược phát triển
Viện Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn đến năm 2035**
(*Ban hành kèm theo Quyết định số 5989/QĐ-ĐHM ngày 28 tháng 12 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội*)

Căn cứ Chiến lược phát triển Viện Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn đến 2035 được ban hành theo Quyết định số 356/QĐ-ĐHM ngày 02/10/2017 của Viện trưởng Viện Đại học Mở Hà Nội (sau đây gọi là Chiến lược 2017);

Căn cứ Nghị quyết số 6068/2020/NQ-ĐHM-HĐT ngày 24/12/2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Mở Hà Nội về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Mở Hà Nội.

Trường Đại học Mở Hà Nội (sau đây gọi là Trường) sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chiến lược phát triển Trường Đại học Mở Hà Nội giai đoạn 2017-2026, tầm nhìn 2035 như sau:

1. Cơ sở pháp lý

- Chiến lược phát triển kinh tế xã hội đất nước giai đoạn 2021-2030 được trình bày tại Hội nghị toàn quốc quán triệt Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII;
- Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/06/2019 của Quốc hội;
- Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17/07/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục;
- Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 của Quốc Hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13;
- Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;
- Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019-2025;
- Quyết định số 1373/QĐ-TTg ngày 30/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030”;

- Quyết định 2559/QĐ-BGDĐT ngày 06/08/2021 ban hành Chương trình hành động của Bộ Giáo dục và đào tạo triển khai Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng được Bộ Giáo dục và đào tạo ban hành;

- Các văn bản có liên quan khác.

2. Bối cảnh

Quá trình phát triển của Trường Đại học Mở Hà Nội hiện tại và tương lai, bên cạnh việc chủ động định hướng, còn phải chịu tác động rất lớn của bối cảnh quốc tế, các chính sách và điều kiện phát triển của đất nước về kinh tế xã hội nói chung và của ngành giáo dục nói riêng trong giai đoạn hiện nay và những thập kỷ tới.

2.1. Bối cảnh quốc tế

Song song với sự phát triển trên mọi phương diện của thế giới, nhân loại đã, đang và sẽ đổi mới với nhiều nguy cơ tiềm ẩn và những biến đổi khó lường. Những khó khăn hiện hữu mà chúng ta đang phải đổi mới và có thể còn tiếp diễn đó là nguy cơ về dịch bệnh, nguy cơ về sự già hóa dân số, nguy cơ bị thay thế bởi các thiết bị máy móc “thông minh” thay thế phần nhiều các hoạt động lao động của con người. Những điều này tác động rất lớn đến việc phân bổ và sử dụng nguồn nhân lực, đến công tác đào tạo của các nhà trường. Đó là, các nhà trường cần phải thích ứng nhanh chóng và kịp thời trong các điều kiện, hoàn cảnh luôn biến đổi; công tác đào tạo phải được phát triển cả về nội dung và phương pháp để phù hợp cao nhất đối với mọi lứa tuổi, đặc biệt là đào tạo cho người lớn để thay đổi thói nghi trong môi trường làm việc luôn biến động này; phải tận dụng tối đa sức mạnh của khoa học công nghệ mà đặc biệt là công cuộc chuyển đổi số để phát triển nhà trường với mọi hoạt động diễn ra song hành trên cả không gian thực và không gian số một cách đồng bộ, hài hòa.

2.2. Bối cảnh kinh tế - xã hội trong nước

Định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030¹ đó là tạo đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo (GDĐT), phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, thu hút và trọng dụng nhân tài. Thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng mạnh mẽ thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội để thúc đẩy tăng trưởng theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng và vượt lên ở một số lĩnh vực có lợi thế so với khu vực và thế giới. Trong đó, một số khâu đột phá chiến lược như phát triển nguồn nhân lực, nhất là

¹ Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng.

nguồn nhân lực chất lượng cao; tạo bước chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện, cơ bản về chất lượng giáo dục, đào tạo gắn với cơ chế tuyển dụng, sử dụng, đai ngộ nhân tài, đầy mạnh nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng và phát triển mạnh khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo; khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy giá trị văn hoá, sức mạnh con người Việt Nam, tinh thần đoàn kết, tự hào dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước giai đoạn 2021-2025² có tập trung đến một số chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp gồm: (1) Triển khai có hiệu quả hệ thống giáo dục quốc dân mới; đa dạng hóa phương thức đào tạo. Chuẩn bị nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số; (2) Phát triển các loại hình dịch vụ mới, xây dựng hệ sinh thái dịch vụ trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, pháp lý, y tế, giáo dục - đào tạo, khoa học, công nghệ, viễn thông, công nghệ thông tin, logistics, vận tải, phân phối... Xây dựng và định vị thương hiệu du lịch quốc gia gắn với hình ảnh chủ đạo, độc đáo, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc; (3) Xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội, ưu tiên nguồn lực để khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo với các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh công nghệ mới thực sự là động lực chính của tăng trưởng kinh tế; (4) Tăng cường liên kết giữa doanh nghiệp với các trường đại học, lấy doanh nghiệp làm trung tâm; thu hút và phát huy có hiệu quả sự tham gia của các nhà khoa học, chuyên gia giỏi là người nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài. Phát triển mạnh thị trường khoa học và công nghệ, đặc biệt là mạng lưới các tổ chức trung gian môi giới, thẩm định đánh giá chuyển giao công nghệ, hỗ trợ nghiên cứu giải mã, làm chủ công nghệ được chuyển giao; (5) Tăng cường bảo hộ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ. Đẩy nhanh thành lập các trung tâm khởi nghiệp sáng tạo quốc gia, trước mắt tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Đà Nẵng, Thành phố Hồ Chí Minh. Duy trì xếp hạng về chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) thuộc nhóm ba nước dẫn đầu ASEAN; (6) Tỉ lệ lao động qua đào tạo là 70%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 28-30%.

2.3. Bối cảnh ngành Giáo dục

1) Ngành giáo dục nước ta đang thực hiện Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030 và tầm nhìn 2045 nhằm triển khai, hiện thực hóa các nội dung của Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và cụ thể hóa chiến lược phát triển kinh tế xã hội của đất nước 2021-2030 và tầm nhìn 2045. Trong đó, 05 quan điểm phát triển giáo dục gồm:

² Nghị quyết về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025 của Quốc hội.

a) Nền giáo dục Việt Nam là nền giáo dục xã hội chủ nghĩa có tính nhân dân, dân tộc, nhân bản, khoa học, hiện đại.

b) Giáo dục là quốc sách hàng đầu, là nền tảng phát triển bền vững. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển. Huy động mọi nguồn lực cho phát triển giáo dục.

c) Phát triển giáo dục gắn liền với phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc. GDĐT cùng với khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo là động lực quan trọng nhất để phát triển đất nước trong kỷ nguyên số và cách mạng công nghiệp.

d) Giáo dục được thực hiện theo nguyên lý học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tiễn, giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội. Thực hiện giáo dục theo phương châm lấy người học và việc học làm trung tâm. Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học.

e) Phát triển giáo dục phải cân đối cả phát triển số lượng, chất lượng và hiệu quả.

Các giải pháp để thực hiện các mục tiêu chiến lược đã được đề xuất nhấn mạnh vào 10 nội dung cơ bản gồm: hoàn thiện thể chế; đổi mới công tác quản lý giáo dục; thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục; phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đáp ứng nhu cầu học tập của người dân; đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện; phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; bảo đảm nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất cho phát triển giáo dục; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục; thúc đẩy nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo, ứng dụng chuyển giao gắn liền với đào tạo; tăng cường hội nhập quốc tế.

2) Tự chủ đại học từ một xu hướng, sau đó thí điểm ở một số cơ sở đào tạo và đến nay đã được hoàn thiện và quy định trong pháp luật. Điều này tạo điều kiện cho các cơ sở đào tạo được tự chủ toàn diện ở hầu hết trên các phương diện hoạt động của nhà trường bao gồm tổ chức bộ máy, chuyên môn học thuật, tổ chức đào tạo, khoa học công nghệ và cơ sở vật chất, tài chính. Tuy nhiên, tự chủ gắn chặt với trách nhiệm giải trình, đòi hỏi mọi quyết sách, hoạt động của nhà trường phải được công khai, minh bạch và giải trình với các bên liên quan. Như vậy, tự chủ đã tạo điều kiện cho các nhà trường được chủ động quyết định trong các hoạt động nhưng phải bảo đảm tuân thủ pháp luật và vận hành theo đúng các chủ trương, chính sách của Nhà nước. Để đảm bảo thực thi tốt tự chủ đại học, các nhà trường phải có các thiết chế rõ ràng, chặt chẽ và đồng bộ. Trong đó, yêu cầu về năng lực quản trị đại học, năng lực điều hành và quản lý phải được nâng cao hơn, các thiết chế trong nhà trường phải được thực thi đúng và đầy đủ nhiệm vụ, đồng thời phải có cơ chế phối hợp nhịp nhàng.

3. Quan điểm phát triển, triết lý đào tạo, tầm nhìn 2035 và mục tiêu phát triển đến năm 2026

3.1. Quan điểm phát triển

- 1) Phát triển Trường vì một nền giáo dục đại chúng, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước, tạo sự công bằng, bình đẳng, dân chủ về tiếp cận giáo dục và cơ hội học tập cho mọi công dân;
- 2) Phát triển Trường vì một xã hội học tập, học suốt đời làm cho mọi thành viên trong xã hội thực hiện quyền và trách nhiệm học tập, học thường xuyên, học suốt đời nhằm tạo nên sức mạnh trí tuệ toàn dân tộc; tạo điều kiện cho mọi người có kỹ năng học tập, kỹ năng làm việc và kỹ năng sống để tạo nên năng lực sáng tạo, năng lực thích ứng trong xã hội hiện đại: xã hội thông tin, xã hội tri thức;
- 3) Phát triển Trường theo định hướng ứng dụng; hài hòa các hoạt động đào tạo, khoa học và công nghệ, phục vụ cộng đồng.

3.2. Sứ mạng (giữ nguyên theo Chiến lược 2017)

3.3. Giá trị cốt lõi (giữ nguyên theo Chiến lược 2017)

3.4. Triết lý đào tạo

Triết lý đào tạo của nhà trường gắn với 5 chữ Mở:

Mở cơ hội - Mở trái tim - Mở trí tuệ - Mở tầm nhìn - Mở tương lai.

Mở cơ hội: tạo cơ hội cho mọi người được bình đẳng trong tiếp cận giáo dục.

Mở trái tim: lan tỏa giá trị nhân văn đến cộng đồng.

Mở trí tuệ: kiến tạo tri thức góp phần phát triển toàn diện con người.

Mở tầm nhìn: phát triển tư duy sáng tạo đáp ứng xu thế thời đại.

Mở tương lai: chủ động và hội nhập tạo dựng tương lai.

3.5. Tầm nhìn đến năm 2035

Trường Đại học Mở Hà Nội trở thành đại học hàng đầu về giáo dục, đào tạo mở, từ xa trong hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; đạt tiêu chuẩn chất lượng khu vực và tiềm cận với thế giới; là nòng cốt trong xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

3.6. Mục tiêu phát triển đến năm 2026

1) Đào tạo đa ngành, đa trình độ đạt chuẩn chất lượng theo khung năng lực quốc gia, từng bước phát triển các chương trình chất lượng cao

Mở rộng các ngành theo trình độ đào tạo, thống nhất chất lượng của các hình thức đào tạo; Phát triển mạnh hình thức đào tạo từ xa với công nghệ hiện đại, đảm bảo chất lượng đào tạo; Tất cả các chương trình cấp bằng đều được tự đánh giá

(TĐG) và kiểm định; Xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về kiểm định chất lượng chương trình đào tạo (CTĐT) trên nền tảng khung đào tạo của Bộ GDĐT đối với đào tạo từ xa.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026:

- Quy mô các hình thức đào tạo được giữ ổn định và có nhịp độ tăng trưởng khoảng 5% mỗi năm; quy mô đào tạo không chính quy gấp 2 lần quy mô chính quy. Gia tăng số lượng đào tạo song song hai văn bằng và triển khai trao đổi sinh viên.

- Mở thêm các ngành ở các hình thức đào tạo, các trình độ đào tạo, đáp ứng cơ cấu ngành nghề của xã hội, cụ thể là: Trình độ tiến sĩ mở thêm 01 ngành; trình độ thạc sĩ mở thêm từ 01 đến 02 ngành; trình độ đại học hình thức chính quy mở thêm từ 03 đến 05 ngành; trình độ đại học hình thức từ xa mở thêm từ 05 đến 07 ngành.

- Mở rộng đào tạo từ xa và đơn vị liên kết đào tạo ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước, phân bố đều ở các vùng, miền.

- Tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm đạt từ 90% trở lên, trong đó 80% được nhà tuyển dụng hài lòng với chất lượng nguồn nhân lực.

- Đến năm 2026, tất cả các ngành đào tạo đều được đánh giá và kiểm định.

- Tổ chức thực hiện mới 01 đến 02 chương trình liên kết đào tạo, liên kết tổ chức thi cấp chứng chỉ năng lực ngoại ngữ với nước ngoài.

- Thực hiện công nhận tín chỉ học tập và thực tập ở nước ngoài cho sinh viên.

- Tổ chức giảng dạy bằng tiếng Anh 30% khối lượng đào tạo chuyên ngành của 02 đến 03 chương trình đại học chính quy với sự tham gia của giảng viên, tình nguyện viên đến từ các trường đại học và tổ chức trên thế giới.

2) Phát triển khoa học và công nghệ gắn với thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, của Ngành và sứ mạng của Trường

Đổi mới quản lý, cơ chế cho hoạt động khoa học và công nghệ; đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng, tập trung vào các nghiên cứu giáo dục học, đặc biệt là giáo dục mở và từ xa gắn với nhiệm vụ xây dựng xã hội học tập, chuyển đổi số trong hoạt động dạy và học; nâng cao năng lực và hiệu quả nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên.

Chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026

- Trung bình hàng năm có 05-07 đề tài/ nhiệm vụ cấp Bộ, cấp tỉnh/ thành phố hoặc tương đương. Chủ trì, tham gia 01-02 nhiệm vụ quốc tế và của Bộ GDĐT phục vụ xây dựng xã hội học tập. Phấn đấu đến năm 2026 có 05 đề tài cấp Nhà nước/Quỹ Nafosted.

- Hoàn thiện học liệu cho các CTĐT; phát triển và đưa vào khai thác các học liệu số phục vụ đào tạo, bồi dưỡng giáo viên giảng dạy trực tuyến và học tập suốt đời.

- 90% đề tài cấp Trường có công bố ít nhất 01 bài báo đăng trên tạp chí thuộc danh mục của Hội đồng Giáo sư Nhà nước. 100% đề tài trọng điểm cấp Trường có công bố ít nhất 01 bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/ Scopus hoặc sản phẩm được cấp văn bằng sở hữu trí tuệ.

- 90% đề tài nghiên cứu các cấp có sản phẩm đào tạo các bậc học đại học, sau đại học hoặc phát triển nguồn nhân lực của Trường.

- Mỗi năm có 01-02 sản phẩm được cấp văn bằng sở hữu trí tuệ, 15-20 bài báo đăng trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus, phấn đấu đến năm 2026, số lượng công bố quốc tế tăng 10-15%.

- Đến năm 2026, có ít nhất 05 nhóm nghiên cứu mạnh. Hàng năm, các nhóm nghiên cứu công bố ít nhất 02 bài báo quốc tế trên các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus, có sản phẩm được cấp văn bằng sở hữu trí tuệ hoặc có các hợp đồng chuyển giao công nghệ hoặc có các giải pháp phục vụ Ngành.

- Hàng năm, 80% giảng viên có bài báo trên các tạp chí khoa học, kỹ yếu hội thảo chuyên ngành.

- Hàng năm, tổ chức 01-02 hội thảo khoa học quốc gia phù hợp với các chuyên ngành đào tạo của Trường; 02-03 năm tổ chức 01 hội nghị quốc tế IEEE/Scopus hoặc tương đương.

- Tổ chức xuất bản điện tử Tạp chí Khoa học. Đến năm 2026, đưa Tạp chí Khoa học vào danh mục được tính điểm của 07 ngành/liên ngành của Hội đồng Giáo sư Nhà nước và hệ thống trích dẫn của Việt Nam (Vietnam Citation Index - VCI) đồng thời đảm bảo các điều kiện để gia nhập hệ thống trích dẫn Đông Nam Á (Asian Citation Index - ACI).

3) Tổ chức bộ máy của Trường tinh gọn, phù hợp theo Quy chế tổ chức và hoạt động (TCHĐ) của Trường và các quy định pháp luật hiện hành.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026:

- Hoàn thành theo lộ trình việc thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị theo phương án được phê duyệt;

- 100% quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị được rà soát, điều chỉnh, xây dựng lại phù hợp với Quy chế TCHĐ và các quy định hiện hành;

- Hoàn thành sắp xếp bộ máy lãnh đạo cấp đơn vị, bộ môn phù hợp Quy chế TCHĐ và các quy định hiện hành;

Đội ngũ nhân lực cơ bản đủ về số lượng và tăng cường về chất lượng: Đội ngũ nhân lực cơ bản đủ để đáp ứng các nhiệm vụ được giao; Cơ bản đảm bảo các tỉ lệ theo quy định hiện hành, tác phong làm việc chuyên nghiệp, sáng tạo và trách nhiệm; Năng lực của đội ngũ cơ bản đạt chuẩn theo từng vị trí việc làm (VTVL) và ngày càng được nâng cao, có khả năng thích ứng với sự thay đổi; Năng lực lãnh đạo, quản lý cấp trường, cấp đơn vị được nâng cao, đáp ứng được nhiệm vụ được giao.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026:

- 100% nhân sự tuyển mới đạt chuẩn theo quy định của Trường và các quy định hiện hành; Các vị trí tuyển dụng có bản mô tả VTVL;
- Cơ cấu viên chức, lao động hợp đồng phù hợp, trong đó viên chức chiếm khoảng 65-70% đáp ứng nhu cầu nhân sự phát triển của Trường;
- Đảm bảo đủ số lượng và đáp ứng được chất lượng; Đội ngũ giảng viên đạt chuẩn, trong đó phần đầu có tối thiểu 35% giảng viên có trình độ tiến sĩ;
- 100% viên chức, lao động hợp đồng được thực hiện đầy đủ chế độ chính sách về lương, phụ cấp theo lương, chính sách đãi ngộ theo quy định; có chính sách tôn vinh giảng viên giỏi, giảng viên có công hiến xuất sắc;
- 100% giảng viên được tiếp cận các quy định về đạo đức nhà giáo; thực hiện công tác nâng cao năng lực ứng xử sư phạm, đạo đức nhà giáo tới từng đơn vị;
- 100% nhân sự tuyển mới được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; 40-50% viên chức được bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng II, I;
- 100% cán bộ được đánh giá, xếp loại hằng năm; 100% viên chức quản lý được đánh giá trước khi quy hoạch, bổ nhiệm theo quy định hiện hành;
- Đến năm 2022, 100% viên chức quản lý cấp trường, cấp đơn vị hoàn thành các tiêu chuẩn chức vụ bổ nhiệm theo quy định; 100% đủ các tiêu chuẩn chức vụ trước khi bổ nhiệm;
- 100% lãnh đạo, quản lý cấp trường và cấp đơn vị tham gia đầy đủ các khóa tập huấn, bồi dưỡng năng lực do cấp trên và Trường tổ chức.

4) Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn kinh phí nhằm tự chủ cao về tài chính; hiện đại hóa và khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, kỹ thuật của Trường

- Tiếp tục duy trì và đảm bảo các điều kiện tự chủ chi thường xuyên và chi đầu tư.

- Tăng dần tổng thu hàng năm, trong đó: thu từ học phí, lệ phí tăng tối thiểu 5% hàng năm. Đầu mạnh thu từ các hoạt động các dịch vụ đào tạo, chuyển giao công nghệ và các khoản thu khác, tăng bình quân 5%/năm.

- Tập trung và huy động các nguồn lực tài chính cho đầu tư nâng cao năng lực đội ngũ, tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học. Tăng tỉ lệ trích Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp tối thiểu 7%/năm.

- Tập trung chi đầu tư phát triển công nghệ và xây dựng cơ sở vật chất tại Long Hưng - Văn Giang - Hưng Yên; đầu tư và hiện đại hóa các phòng thí nghiệm, phòng thực hành, thư viện và trang thiết bị phục vụ các ngành đào tạo, trong đó tập trung đầu tư phòng thí nghiệm trọng điểm cấp Trường để có thể giải quyết hiệu quả các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp ngành và đồng thời giữ vai trò chủ lực trong việc thúc đẩy nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của Trường, đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp sinh viên.

- Xây dựng cơ chế chi trả thu nhập theo tinh thần Nghị quyết 27/NQ-TW ngày 21/05/2018 của Hội nghị lần thứ VII Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về cải cách chính sách tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và người lao động trong doanh nghiệp. Đảm bảo thu nhập bình quân người lao động tăng tối thiểu 5%/năm.

- Tăng cường các khoản chi hỗ trợ sinh viên và phục vụ cộng đồng.

5) *Mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế theo hướng tiếp cận chuẩn mực giáo dục đại học tiên tiến của thế giới, nâng cao tiềm lực về khoa học và công nghệ; thực hiện vai trò tích cực trong các hoạt động phát triển hệ thống giáo dục mở, từ xa trong khu vực*

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026:

- Tổ chức thực hiện ít nhất 05 nhiệm vụ khoa học và công nghệ hợp tác với các trường đại học trong khu vực;

- Tổ chức xây dựng và chia sẻ tài nguyên giáo dục mở với ít nhất 03 trường đại học mở trong khu vực;

- Tăng quy mô các chương trình thực tập sinh lên 5-10% vào năm 2026;

- Tăng cường số lượng giảng viên, tình nguyện viên quốc tế.

6) *Bảo đảm chất lượng*

Nâng cao hiệu quả của hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, tăng cường các hoạt động kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia, hướng tới kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn khu vực (AUN - QA) và quốc tế; từng bước nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026:

- Hoàn thành TĐG, ĐGN và đạt Chứng nhận Kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ II;

- Có 100% các CTĐT đại học chính quy hoàn thành TĐG trong đó ít nhất 35% CTĐT được ĐGN và được công nhận đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT;

- Tăng cường nguồn nhân lực bảo đảm chất lượng, đến năm 2026 có ít nhất 5 cán bộ được nhận Chứng chỉ hoàn thành khóa đào tạo hoặc được cấp thẻ Kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục, có cán bộ có trình độ Thạc sĩ trở lên thuộc chuyên ngành Đo lường và đánh giá trong giáo dục;

- Đầu tư công nghệ cho công tác quản lý chất lượng theo các lĩnh vực công tác.

7) Xây dựng thành công mô hình viện đào tạo trực tuyến

Nghiên cứu phát triển và hoàn thiện mô hình đào tạo trực tuyến ở mức cao với các yếu tố về chính sách tạo nền tảng, hệ thống các tiêu chí và điều kiện cho đảm bảo chất lượng, phương pháp tổ chức quản lý và vận hành hệ thống đào tạo trực tuyến.

Triển khai các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ truyền thông đa phương tiện và hệ thống các phần mềm, chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực đào tạo trực tuyến; Tiếp tục thực hiện tốt các CTĐT có cấp văn bằng theo phương thức trực tuyến.

Phát triển hoàn thiện tổ chức chương trình, phương pháp tổ chức đào tạo, dạy và học, phát triển và vận hành nguồn tài nguyên dạy học ở các cấp độ từ thấp đến cao, phương pháp đánh giá trong hệ thống đào tạo trực tuyến.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2026

- Đề xuất hoàn thiện cơ sở pháp lý và các quy định đối với nghiên cứu và đào tạo trực tuyến: Xây dựng chính sách, cơ sở pháp lý đặt nền tảng, thúc đẩy cho phát triển việc nghiên cứu và đào tạo trực tuyến; Xây dựng quy định tổ chức và quản lý đào tạo trực tuyến.

- Hoàn thiện hệ thống CTĐT phục vụ đa loại hình đào tạo và phát triển chương trình dạy học theo phương thức đào tạo trực tuyến;

- Xây dựng bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng CTĐT theo phương thức trực tuyến;

- Đảm bảo cơ sở hạ tầng của đào tạo trực tuyến: Xây dựng các quy định và đảm bảo cơ sở vật chất về hệ thống máy chủ, phòng máy tính, phòng hội thảo truyền hình, thư viện số, đường truyền internet, icloud, viễn thông, các trang thiết bị hỗ trợ vận hành đào tạo trực tuyến; Đảm bảo các tiêu chí về an toàn, bảo mật thông tin; phòng studio phòng phát triển nội dung, các thiết bị ghi hình, dựng hình, các phần mềm biên tập, sản xuất bài giảng; Đảm bảo các tiêu chí cơ bản về hệ

thống phần mềm: phần mềm web server, hệ thống quản trị dữ liệu, phần mềm vận hành đào tạo với các module và các công cụ quản lý nội dung;

- Phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đào tạo đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu và thực hiện đào tạo trực tuyến;

8) *Nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng* (giữ nguyên theo Chiến lược 2017)

9) *Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, xây dựng môi trường học tập, hoạt động khoa học giàu tính nhân văn* (giữ nguyên theo Chiến lược 2017)

10) *Đẩy mạnh truyền thông và phát triển thương hiệu*

- Định vị và xây dựng tầm nhìn thương hiệu của Trường.

- Lan tỏa, khẳng định Trường Đại học Mở Hà Nội là một đơn vị nòng cốt trong xây dựng xã hội học tập và phục vụ học tập suốt đời.

- Xây dựng văn hóa của đơn vị thể hiện sự chuyên nghiệp, tinh thần đoàn kết và giàu tính nhân văn.

11) *Nâng cao chất lượng công tác sinh viên, tạo dựng môi trường học tập, rèn luyện hiệu quả, chú trọng hoạt động khởi nghiệp, sáng tạo.*

- Tăng cường giáo dục lý tưởng cách mạng, giáo dục nhân cách, đạo đức, lối sống, kỹ năng, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm nghề nghiệp, kiến thức pháp luật, ý thức công dân và khát vọng cống hiến cho sinh viên;

- Tạo dựng môi trường học tập, rèn luyện để sinh viên phát triển năng lực sáng tạo và các giá trị về tinh thần yêu nước, tự hào dân tộc; hình thành ý thức, trách nhiệm cao đối với bản thân, gia đình và xã hội, trở thành những công dân có ích, tích cực tham gia xây dựng và bảo vệ đất nước.

4. Các giải pháp chiến lược

4.1. Đào tạo đa ngành, đa trình độ đạt chuẩn chất lượng theo khung năng lực quốc gia, từng bước phát triển các chương trình chất lượng cao gắn với triết lý giáo dục mở và từ xa

4.1.1. *Các giải pháp triển khai*

a) Xây dựng và thực hiện các CTĐT có tính hiện đại, hội nhập, thực tiễn và đặc thù. Công bố công khai chuẩn đầu ra có tính cạnh tranh, tính hội nhập cho tất cả các ngành đào tạo. Trong đó, chuẩn ngoại ngữ, chuẩn công nghệ thông tin được coi trọng và được dành nhiều thời lượng trong tất cả các CTĐT. Các CTĐT có tính liên thông cao theo chiều dọc (giữa các bậc học) và chiều ngang (giữa các ngành, giữa các loại hình), đảm bảo có ít nhất 5% khối lượng tín chỉ được thiết kế

chung đối với các CTĐT thuộc cùng nhóm ngành và ít nhất 20% là các môn chung ở tất cả các ngành. Tổ chức đào tạo theo học chế tín chỉ ở tất cả các bậc học, tạo sự linh hoạt tối đa cho người học. Tăng cường các hoạt động thực hành môn học, thực tập tốt nghiệp, tạo điều kiện cho sinh viên tập sự hoặc hành nghề ngay tại các tổ chức, doanh nghiệp hoặc cộng đồng; tổ chức các hoạt động kết nối chặt chẽ, có tính cam kết cao giữa nhà trường với các doanh nghiệp, các tổ chức, các cơ sở thực hành theo mô hình của các nước tiên tiến.

b) Tăng cường các CTĐT ngắn hạn, bổ sung kiến thức, cấp chứng chỉ theo nhu cầu người học.

c) Hàng năm xây dựng Đề án tuyển sinh các bậc, các hình thức đào tạo đúng quy định, linh hoạt, phù hợp, đảm bảo mục tiêu giáo dục đại chúng cho mọi đối tượng, đạt quy mô đào tạo hợp lý giữa các hình thức đào tạo và của từng ngành.

d) Phát triển đội ngũ giảng viên, cán bộ theo hướng chuyên sâu. Đầu tư xây dựng các tập bài giảng, giáo trình cho hầu hết các môn học để trợ giúp giảng viên và xây dựng thư viện điện tử.

đ) Thường xuyên tổ chức khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường, về CTĐT. Coi sự chấp nhận của thị trường lao động đối với người học là tiêu chí quan trọng nhất để đánh giá uy tín, chất lượng đào tạo của Trường. Tăng cường hợp tác mọi mặt với các đơn vị liên kết, các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức nhằm tạo ra sức mạnh tổng hợp và đào tạo theo địa chỉ với chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu công việc của nhà tuyển dụng và nhu cầu của xã hội.

e) Nghiên cứu và đầu tư xây dựng, khai thác có hiệu quả công nghệ đào tạo trực tuyến.

4.1.2. Điều kiện thực hiện

a) Xây dựng được đội ngũ cán bộ, giảng viên đạt chuẩn về năng lực, trình độ, đáp ứng yêu cầu, quy định của Bộ GDĐT về số lượng, trình độ ở tất cả các ngành và bậc đào tạo.

b) Xây dựng đầy đủ các quy chế nhằm tạo động lực, tính cạnh tranh cho người dạy và người học, khuyến khích không ngừng nâng cao năng lực giảng dạy và tâm huyết với nghề nghiệp.

c) Tiếp tục đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhất là đầu tư xây dựng thêm phòng học, kí túc xá đáp ứng được lưu lượng sinh viên học GDQP-AN.

4.2. Phát triển về khoa học và công nghệ

4.2.1. Các giải pháp triển khai

Đổi mới cơ chế hoạt động khoa học công nghệ, chuẩn hóa các quy trình quản lý, thực hiện cơ chế đặt hàng đối với các nhóm nghiên cứu mạnh.

Tăng cường, phát huy tiềm lực của đội ngũ cán bộ khoa học thông qua chính sách tôn vinh, đài ngộ; thu hút nhân lực khoa học công nghệ tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh của Trường.

Phát triển các nghiên cứu mũi nhọn trong đó trọng tâm là nghiên cứu khoa học giáo dục về đào tạo mở, từ xa, đồng thời, tập trung vào các lĩnh vực khoa học công nghệ.

Phát triển hệ thống MOOCs, tài nguyên giáo dục mở, học liệu số để đảm bảo vận hành đào tạo trực tuyến, hướng tới mục tiêu phục vụ xây dựng xã hội học tập, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời của nhân dân.

Phát triển hạ tầng cho khoa học và công nghệ đáp ứng các lĩnh vực nghiên cứu trọng tâm, mũi nhọn của Trường.

Gắn kết quả nghiên cứu khoa học với hoạt động đào tạo ở tất cả các bậc học; xuất bản sách chuyên khảo/tài liệu tham khảo dựa trên kết quả nghiên cứu khoa học; thúc đẩy nghiên cứu khoa học của sinh viên thông qua chính sách cộng điểm khuyến khích và hỗ trợ khởi nghiệp.

Đẩy mạnh thông tin về khoa học và công nghệ; tích cực đầu tư cho các hội thảo khoa học chuyên ngành, hội thảo khoa học quốc tế, công bố khoa học trên các cơ sở dữ liệu ISI, Scopus, các nhà xuất bản uy tín trên thế giới; tập trung nguồn lực để đưa tạp chí Khoa học của Trường vào hệ thống trích dẫn Đông Nam Á (ACI).

Phát triển các hợp tác về khoa học và công nghệ với các đối tác trong và ngoài nước để quy tụ tiềm lực phục vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

4.2.2. Điều kiện thực hiện

Tăng cường vai trò của Hội đồng khoa học và đào tạo Trường trong việc tư vấn về kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn và từng năm.

Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách đầu tư cho khoa học và công nghệ; cơ chế, chính sách, quy chế, quy định nhằm khuyến khích và phân định trách nhiệm của cán bộ, giảng viên trong việc công bố kết quả nghiên cứu trên các cơ sở dữ liệu uy tín trong, ngoài nước và chuyển giao kết quả nghiên cứu; quy định nhiệm vụ nghiên cứu khoa học giảng viên của theo hướng phát huy tối đa tiềm lực của từng cá nhân; ban hành bộ tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động khoa học và công nghệ để có căn cứ đầu tư hiệu quả; chính sách khen thưởng, cộng điểm, cấp học bổng, hỗ trợ cho sinh viên có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.

Xây dựng, duy trì, phát triển đội ngũ chuyên gia, cộng tác viên nghiên cứu khoa học ngoài Trường với cơ chế hợp tác linh hoạt, tự nguyện, có tính cạnh tranh cao.

4.3. Tổ chức bộ máy và phát triển nguồn nhân lực

4.3.1. Hoàn thiện về tổ chức bộ máy

4.3.1.1. Các giải pháp triển khai

a) Xây dựng phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy của Trường (Đã xây dựng Phương án 4022)³ theo với Quy chế TCHĐ 6068/2020/NQ-ĐHM-HĐT; Có lộ trình phù hợp thực hiện việc sáp nhập, giải thể, chuẩn bị các điều kiện cho thực hiện phương án để chia tách, thay đổi mô hình, thành lập mới các đơn vị; Xem xét, điều chỉnh, bổ sung Phương án 4022 trên cơ sở đánh giá hoạt động các đơn vị hằng năm.

b) Rà soát chức năng, nhiệm vụ của tất cả các đơn vị; điều chỉnh, bổ sung phù hợp với tổ chức và hoạt động của đơn vị, tránh chồng chéo, thiếu chức năng; Các đơn vị được tổ chức lại, thành lập mới phải hoàn thành quy định về chức năng, nhiệm vụ, trước khi ban hành quyết định về tổ chức của đơn vị. Hằng năm rà soát, bổ sung, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ các đơn vị theo quy định. Xây dựng các quy trình công việc, trước hết là khôi phong chức năng, đảm bảo tính hiệu quả trong công tác hành chính, phục vụ.

c) Thực hiện công tác bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, xác định tiêu chuẩn chính trị theo quy định; đến năm 2024, bộ máy lãnh đạo cấp đơn vị, bộ môn cơ bản đạt chuẩn; Quy hoạch viên chức quản lý được rà soát, bổ sung hằng năm theo kế hoạch của Đảng ủy Trường; Năm 2022, xây dựng quy hoạch về quản lý cấp bộ môn.

d) Hoàn thành phân công nhiệm vụ trong lãnh đạo cấp Trường, cấp đơn vị; hằng năm rà soát, điều chỉnh, bổ sung, trong đó có phân công nhân sự cụ thể đối với các lĩnh vực có quy định như công nghệ thông tin, pháp chế.

e) Năm 2021, hoàn thành Khung danh mục VTVL, tạo cơ sở để bổ sung, xây dựng Đề án VTVL theo quy định hiện hành đối với tất cả các đơn vị và Trường; Hằng năm thực hiện cập nhật bổ sung Danh mục và Đề án VTVL phù hợp với thực tiễn. Từ năm 2022, các đơn vị được tổ chức lại, thành lập mới phải hoàn thành Đề án VTVL trước khi ban hành quyết định về tổ chức của đơn vị.

g) Đánh giá hằng năm hiệu quả hoạt động của từng đơn vị theo chức năng, nhiệm vụ đã ban hành và của Trường; đề xuất các biện pháp tăng cường năng lực, hiệu quả.

h) Đẩy nhanh tiến độ xây dựng các văn bản quản trị nội bộ; tăng cường công tác Pháp chế; Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của nhà trường.

³ Quyết định số 4022/QĐ-ĐHM ngày 11/08/2021 ban hành Phương án sắp xếp, tổ chức bộ máy của trường Đại học Mở Hà Nội.

i) Nâng cao hiệu quả công tác tổng hợp, thống kê, cải cách hành chính: xây dựng kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ chủ yếu và các giải pháp cơ bản của ngành Giáo dục; Thực hiện báo cáo thống kê giáo dục định kỳ năm học và cập nhật dữ liệu đầy đủ, chính xác và báo cáo thống kê giáo dục đúng quy định;.

k) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của tập thể lãnh đạo nhằm kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, khuyết điểm để tổ chức thực hiện hiệu quả việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy.

4.3.1.2. Điều kiện thực hiện

- Hệ thống các văn bản quản trị, điều hành về lĩnh vực tổ chức được xây dựng phù hợp, cụ thể tạo hành lang pháp lý cho công tác quản lý, tổ chức bộ máy của Trường hoạt động có hiệu quả, phát huy đầy đủ khả năng tự chủ theo quy định;

- Hệ thống các tiêu chí thống kê được xây dựng, các ứng dụng trên nền tảng công nghệ được thiết lập hỗ trợ mạnh mẽ cho công tác quản trị nhà trường.

4.3.2. Phát triển nguồn nhân lực

4.3.2.1. Các giải pháp triển khai

a) Xây dựng quy hoạch nhân lực của nhà trường trên cơ sở VTVL theo từng đơn vị; Xây dựng cơ cấu viên chức, lao động hợp đồng phù hợp.

b) Thực hiện tốt công tác tuyển dụng viên chức và lao động hợp đồng, công khai, thực hiện quy trình công khai minh bạch và linh hoạt; tuyển dụng theo vị trí công việc phù hợp với bản mô tả công việc đã được xây dựng; tiếp tục có chính sách ưu tiên trong tuyển dụng giảng viên; có chính sách đổi mới tuyển dụng, sử dụng đối với giảng viên nước ngoài.

c) Bố trí công việc, sử dụng lao động hợp lý, tạo môi trường và điều kiện làm việc thuận lợi nhất để sự phát triển nguồn nhân lực đồng hành với quá trình phát triển của trường.

d) Thực hiện tốt chế độ chính sách về lương, phụ cấp theo lương, chính sách đãi ngộ, tôn vinh giảng viên giỏi.

e) Chú trọng xây dựng đội ngũ giảng viên đáp ứng yêu cầu đảm bảo chất lượng của tất cả các ngành, trong đó đội ngũ giảng viên làm việc thường xuyên tại trường đảm bảo được tối thiểu 70% khối lượng giảng dạy; mỗi ngành đào tạo có tối thiểu 01 giảng viên cơ hữu có chức danh Phó giáo sư; tiếp tục sử dụng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng phù hợp với quy mô, hoạt động của trường.

g) Tổ chức đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động, hàng năm; rà soát, điều chỉnh quy hoạch nhân lực; rà soát, bổ sung quy hoạch viên chức quản lý.

h) Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tự bồi dưỡng nâng cao kiến thức, kỹ năng, nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, giảng viên theo từng VTVL và căn cứ theo công việc thực tế; thực hiện bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp; bồi dưỡng, bổ sung kiến thức đáp ứng các tiêu chuẩn bổ nhiệm; Thực hiện tốt công tác nâng hạng chức danh nghề nghiệp trong đó chú trọng đổi với thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với giảng viên; Tăng cường năng lực cán bộ hành chính, nâng cao tính chuyên nghiệp, tính hiệu quả trong thực thi nhiệm vụ.

i) Hoàn thiện các văn bản quản trị nội bộ liên quan đến công tác tuyển dụng, bố trí và sử dụng nhân sự; Tổ chức theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quản lý, chỉ đạo, điều hành của nhà trường liên quan đến công tác nhân sự.

4.3.2.2. Điều kiện thực hiện

- Hệ thống các văn bản quản trị, điều hành về nhân sự được xây dựng phù hợp, cụ thể tạo điều kiện cho cán bộ viên chức phát triển năng lực chuyên môn, gắn bó lâu dài với Trường.

- Dành nguồn tài chính nhất định cho đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường.
- Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục trong và ngoài nước để cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng.
- Hệ thống các tiêu chí đánh giá được xây dựng, các ứng dụng trên nền tảng công nghệ được thiết lập hỗ trợ mạnh mẽ cho công tác quản trị nhà trường.

4.4. Tài chính và cơ sở vật chất

4.4.1 Các giải pháp triển khai

- Đảm bảo điều kiện thực hiện tự chủ toàn diện chi thường xuyên và chi đầu tư.
- Đảm bảo tăng trưởng nguồn thu hoạt động dịch vụ sự nghiệp thông qua việc ổn định và tăng trưởng quy mô các hệ đào tạo hàng năm hợp lý, khai thác tối đa các nguồn thu dịch vụ, xác định giá dịch vụ đào tạo tính đúng, tính đủ chi phí theo định mức kinh tế, kỹ thuật.
- Tăng tỷ lệ tích lũy Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và xây dựng các đề án huy động các nguồn kinh phí hợp pháp để tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại Long Hưng- Văn Giang- Hưng Yên.
- Có chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; tăng cường đầu tư cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường.
- Tăng cường đầu tư cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, phục vụ người học và cộng đồng.

- Đảm bảo ổn định và tăng dần mức thu nhập bình quân cho viên chức, người lao động trên cơ sở VTVL.

4.4.2 Điều kiện thực hiện giải pháp

- Hoàn thiện các văn bản pháp lý về quản lý tài chính, tài sản, quy chế chi tiêu nội bộ.

- Tăng cường giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính, tài sản cho các đơn vị chủ động thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, đẩy mạnh cơ chế kiểm tra, giám sát.

4.5. Mở rộng và nâng cao chất lượng hợp tác quốc tế

4.5.1. Các giải pháp triển khai

Vận dụng phù hợp cơ chế tự chủ trong triển khai liên kết đào tạo với nước ngoài, chuẩn hóa các quy trình quản lý trong các hoạt động hợp tác quốc tế và liên kết đào tạo.

Mở rộng số lượng các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài đi đôi với việc giám sát các điều kiện đảm bảo chất lượng. Mở rộng và phát triển các chương trình thực tập sinh ở nước ngoài và trong nước.

Tiếp cận với các đối tác chiến lược, tiềm năng, thiết lập các mối quan hệ, hợp tác, ký các văn bản ghi nhớ thỏa thuận và mở rộng phạm vi hợp tác trong đó lấy trọng tâm là hoạt động hợp tác trong đào tạo mở, từ xa, phục vụ xây dựng xã hội học tập và học tập suốt đời.

Tăng cường trao đổi giảng viên và sinh viên với các cơ sở giáo dục đại học, khoa học và công nghệ trong khu vực và quốc tế.

Tích cực tổ chức hội nghị, hội thảo và các hình thức trao đổi học thuật khác, tạo điều kiện để cán bộ, giảng viên, sinh viên tham gia các hội nghị, hội thảo khoa học quốc tế; tham gia các tổ chức giáo dục, khoa học, mạng lưới, diễn đàn, hội nghề nghiệp khu vực và quốc tế.

Chủ động, tích cực tham gia mạng lưới xây dựng mạng lưới xây dựng xã hội học tập của các Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc, Trung tâm Khu vực về học tập suốt đời của Hội đồng Bộ trưởng Giáo dục các nước Đông Nam Á tại Việt Nam (SEAMEO CELLL).

Tăng cường năng lực ngoại ngữ cho đội ngũ cán bộ và người học; hợp tác xây dựng và thực hiện các CTĐT chuyên môn bằng tiếng Anh có sự tham gia của giảng viên nước ngoài.

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông, quảng bá quốc tế.

4.5.2. Điều kiện thực hiện

Từng bước hoàn thiện cơ chế, chính sách khen thưởng, quy chế, quy định nhằm khuyến khích và phân định trách nhiệm của các đơn vị, cá nhân trong các hoạt động liên kết đào tạo, hợp tác về khoa học, công nghệ với các đối tác nước ngoài.

Hoàn thiện hạ tầng công nghệ và các giải pháp đảm bảo chất lượng để đáp ứng các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo và tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế theo xu hướng chuyển đổi số.

4.6. Bảo đảm chất lượng

4.6.1. Các giải pháp triển khai

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm của đội ngũ cán bộ viên chức nói chung và đội ngũ cán bộ chủ chốt Trường nói riêng trong công tác bảo đảm chất lượng; bồi dưỡng năng lực, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, giảng viên, chuyên viên làm công tác bảo đảm chất lượng;

- Nâng cao hiệu quả triển khai thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo chất lượng, kiểm định chất lượng theo quy định và theo kế hoạch của Trường; chú trọng các hoạt động bảo đảm chất lượng nhằm nâng cao chất lượng GDĐT: rà soát, điều chỉnh CTĐT; tổ chức hoạt động dạy - học; phương thức kiểm tra, đánh giá;

- Tăng cường đầu tư hệ thống công nghệ cho hoạt động bảo đảm chất lượng theo các lĩnh vực công tác, chú trọng hạ tầng công nghệ phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học; xây dựng và cung cấp hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong;

- Đẩy mạnh công tác cải tiến chất lượng theo khuyến nghị của Đoàn ĐGN đối với kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT, định kỳ rà soát, đánh giá công tác cải tiến chất lượng; nâng cao hiệu quả công tác thu thập và xử lý thông tin phản hồi của các bên liên quan;

- Tăng cường TĐG và đăng ký ĐGN các CTĐT theo tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của Bộ GDĐT, từng bước tiếp cận bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của AUN - QA; chuẩn bị các điều kiện của Nhà trường theo bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/05/2017 của Bộ GDĐT, hoàn thành TĐG và đăng ký kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học chu kỳ tiếp theo vào năm 2023;

- Tăng cường số hoá văn bản, tài liệu, hoàn chỉnh hệ thống quản lý thông tin minh chứng phục vụ hiệu quả công tác quản lý nói chung, hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục nói riêng;

- Duy trì và mở rộng hợp tác với các đơn vị, tổ chức thuộc lĩnh vực bảo đảm chất lượng giáo dục trong việc xây dựng lộ trình kiểm định chất lượng cấp cơ sở giáo dục và cấp CTĐT.

4.6.2. Điều kiện thực hiện

- Hệ thống các văn bản quản trị, điều hành Nhà trường được xây dựng đầy đủ và phù hợp trong đó có các văn bản về công tác bảo đảm chất lượng làm căn cứ để triển khai các hoạt động bảo đảm chất lượng;
- Dành nguồn tài chính thích hợp cho các hoạt động bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng, kinh phí cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của Trường về lĩnh vực bảo đảm chất lượng.
- Có cơ chế, chính sách phù hợp nhằm duy trì tốt hoạt động của mạng lưới cộng tác viên bảo đảm chất lượng bên trong nhằm thực hiện hiệu quả công tác bảo đảm chất lượng.

4.7. Xây dựng Viện đào tạo trực tuyến

4.7.1. Các giải pháp triển khai

- Xây dựng Đề án thành lập Viện đào tạo trực tuyến: Thiết kế mô hình tổ chức của Viện phù hợp với Quy chế TCHC của Trường; Xác định cơ cấu, biên chế nhân sự đảm bảo vận hành của mô hình; Quan hệ phối hợp giữa Viện và các đơn vị thuộc Trường; Xây dựng chính sách, quy định về nghiên cứu và tổ chức đào tạo trực tuyến;
- Rà soát các CTĐT, học liệu; nâng cấp, bổ sung các học liệu phục vụ cho công tác đào tạo theo phương thức đào tạo trực tuyến;
- Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng CTĐT theo phương thức trực tuyến;
- Quy hoạch và hoàn thiện các điều kiện đảm bảo về cơ sở hạ tầng; Hệ thống công nghệ, mạng máy tính; Hệ thống trang thiết bị phục vụ sản xuất bài giảng, thư viện; Hệ thống phần mềm quản lý và tổ chức đào tạo trực tuyến; Các trang thiết bị hỗ trợ;
- Quy hoạch, bồi dưỡng và tuyển dụng đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, đội ngũ cán bộ hỗ trợ đào tạo đủ tiêu chuẩn tham gia nghiên cứu và thực hiện đào tạo trực tuyến.

4.7.2. Điều kiện thực hiện

- Có chính sách phù hợp thúc đẩy hoạt động nghiên cứu phát triển và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực đào tạo trực tuyến; Tăng cường hoạt động đào tạo theo phương thức trực tuyến;
- Đảm bảo sự sắp xếp, bố trí nguồn lực (nhân lực, tài lực, vật lực...) phù hợp để triển khai;
- Có cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các đơn vị quản lý, các Khoa chuyên ngành, các đơn vị hỗ trợ đào tạo thuộc trường trong hoạt động của Viện.

4.8. Nâng cao số lượng, chất lượng các hoạt động phục vụ cộng đồng (giữ nguyên theo Chiến lược 2017).

4.9 Nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ; xây dựng môi trường hoạt động giàu tính nhân văn (giữ nguyên theo Chiến lược 2017).

4.10. Đẩy mạnh truyền thông và phát triển thương hiệu

- Hoàn thiện và quảng bá rộng rãi bộ nhận diện thương hiệu của Trường.
- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông nội bộ, truyền tải thông điệp, tầm nhìn của lãnh đạo tới cán bộ, giảng viên và học viên, sinh viên; từ đó tạo cảm hứng lao động, học tập và sự gắn kết trong Trường.
- Tổ chức tốt các hoạt động truyền thông giáo dục; đa dạng hóa các sản phẩm truyền thông.
- Quản trị có hiệu quả thông tin, hình ảnh của Trường trên các phương tiện thông tin, truyền thông.
- Dự báo, ngăn ngừa và xử lý khủng hoảng truyền thông.
- Tiếp tục nghiên cứu và ứng dụng các mô hình, phương thức truyền thông hiện đại, phù hợp vào công tác truyền thông của Trường; đẩy mạnh truyền thông số.
- Tăng cường quan hệ với các cơ quan báo chí, truyền thông.
- Xây dựng các văn bản quản trị của Trường liên quan đến lĩnh vực truyền thông.
- Tổ chức và quản lý tốt mạng lưới cộng tác viên để thu thập tin tức, đưa tin theo hướng nội dung tập trung về các hoạt động của nhà trường trên các phương tiện thông tin đại chúng và các công cụ truyền thông của Trường.
- Tăng cường đội ngũ cán bộ chuyên trách công tác truyền thông theo hướng tinh gọn, chất lượng.

4.11. Tăng cường giáo dục chính trị và nâng cao hiệu quả công tác sinh viên

- Nâng cao chất lượng và số lượng giảng viên các môn lý luận chính trị, tổ chức các hình thức học tập chuyên đề, thi tìm hiểu về Chủ nghĩa Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xây dựng diễn đàn giới thiệu phương pháp học tốt các môn khoa học Mác - Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh cho sinh viên. Tổ chức hiệu quả tuần sinh hoạt công dân - sinh viên, các hoạt động trải nghiệm, hoạt động xã hội; diễn đàn, câu lạc bộ sở thích, tài năng, các phong trào thi đua. Nâng cao vai trò của các tổ chức đoàn thể trong sinh hoạt, học tập và nghiên cứu khoa học của sinh viên.

- Tuyên truyền để mỗi người học hiểu được sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý đào tạo... của Trường, lan tỏa đến cộng đồng bằng chính những đóng góp của người học cho xã hội.

- Cải tiến chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học theo phương châm: hệ thống và hiệu quả, có chương trình hành động thiết thực kết nối với các bên liên quan trong các hoạt động hướng nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, thành lập mạng lưới cựu học viên, sinh viên hoạt động hiệu quả.

5. Tổ chức thực hiện Chiến lược

Sau khi Chiến lược sửa đổi, bổ sung được phê duyệt, sẽ được phổ biến sâu rộng đến toàn bộ cán bộ, viên chức của Trường. Ngoài ra, Chiến lược sẽ được phổ biến rộng rãi để thu hút được sự ủng hộ của cơ quan chủ quản, sinh viên và gia đình sinh viên, những tổ chức sử dụng nhân lực do Trường đào tạo, các tổ chức và cá nhân quan tâm khác. Hàng năm tuyên truyền về Chiến lược và quảng bá thương hiệu Trường Đại học Mở Hà Nội trong các dịp tuyển sinh, trong các buổi sinh hoạt chính trị đầu khóa, đầu năm, cuối khóa, kết thúc năm học...; đặc biệt thông qua các hoạt động văn thể trong và ngoài Trường.

Đảng uỷ, Hội đồng trường, Hiệu trưởng Trường Đại học Mở Hà Nội chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; cụ thể hóa Chiến lược thành các kế hoạch phát triển trung hạn, các kế hoạch hoạt động từng năm; theo dõi, điều chỉnh kế hoạch kịp thời; phê duyệt, kiểm tra chiến lược của các bộ phận; báo cáo định kỳ quá trình thực hiện Chiến lược theo quy định. Kế hoạch hàng năm và các kế hoạch khác của Trường sẽ được định hướng theo Chiến lược, ngược lại, Chiến lược sẽ được tích hợp vào kế hoạch hàng năm và các kế hoạch khác của Trường. Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược sau một chu kỳ thực hiện.

Các phòng, khoa, trung tâm cụ thể hóa Chiến lược của Trường vào việc xây dựng, trình duyệt và triển khai kế hoạch phát triển của từng đơn vị; báo cáo quá trình triển khai kế hoạch lên Hiệu trưởng và tham mưu ý kiến điều chỉnh kế hoạch./.

